

Bản án số: 25/2020/DS-PT
Ngày: 26/02/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang;

Ông Trần Quốc Vũ.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Nhật Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2019/TLPT-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2019/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; cư trú tại: Ô4, ấp TL, xã TĐ, huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Hải Tr, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 79, đường số 102 NVL, ấp TL, xã TĐ, huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 12 năm 2018).

- *Bị đơn:*

1. Ông Hà Phước Đ, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp G, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; cư trú tại: Số 76, đường PT, khu phố 5, Phường III, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2019).

2. Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1967; cư trú tại: Số 688, khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn; ông Hà Phước Đ là bị đơn.

Bà H, ông Tr và ông T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 17-8-2018, ông Đ và bà G có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng để mua ô tô, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Khi vay tiền, hai bên có làm giấy nợ nhưng không ghi lãi suất và thời hạn trả. Bà G là bạn thân của bà H; thời điểm cho vay, bà G và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng nên bà yêu cầu cả hai người cùng ký tên vào giấy nợ. Đến hạn trả nợ, bà H có gặp ông Đ và bà G để yêu cầu trả lại số tiền gốc và tiền lãi, nhưng ông Đ và bà G cứ hẹn mà không trả. Nay bà H yêu cầu ông Đ và bà G có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền gốc 200.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17-8-2018.

Bị đơn ông Hà Phước Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày: Số tiền 200.000.000 đồng do bà G vay của bà H để mua ô tô; việc giao nhận tiền là do bà H và bà G giao nhận với nhau. Ông ký tên trong giấy mượn tiền là do ông chờ bà G đến nhà bà H nhận tiền, bà H kêu ông ký tên chứ ông không vay số tiền này nên ông không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H.

Bị đơn bà Huỳnh Thị G trình bày: Bà không cùng ông Đ vay số tiền 200.000.000 đồng của bà H, bà ký trên trong giấy mượn tiền ngày 17-8-2018 với tư cách là người chứng kiến việc bà H cho ông Đ vay tiền nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 35/2019/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Hà Phước Đ. Buộc ông Hà Phước Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 210.347.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Huỳnh Thị G.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, ông Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà G có nghĩa vụ liên liên đới với ông trả cho bà H số tiền vay 200.000.000 đồng.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, bà H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lãi từ ngày bà cho vay là ngày 17-8-2018, với mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H trình bày, bà chỉ quen biết bà G, không phải bạn bè thân thiết, bà cho ông Đ vay tiền và bà G ký tên với tư cách người làm chứng. Tại cấp sơ thẩm, lời khai của bà là do người đại diện theo ủy quyền của bà trình bày, không phải lời khai của bà. Nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đ trả cho bà số tiền vay 200.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị G, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

[2] Xét kháng cáo của ông Đ thấy rằng: Ông Đ cho rằng ông ký tên vay tiền của bà H nhưng tiền do bà G vay, ngược lại, bà G cho rằng bà chỉ ký tên với tư cách người làm chứng chứ không vay tiền của bà H. Xét thấy, bà H là bên cho vay xác định bà G là bạn thân của bà H, bà G sống chung với ông Đ như vợ chồng nên bà cho ông Đ, bà G vay tiền và yêu cầu cả hai ký tên vào giấy vay tiền. Bà H khởi kiện yêu cầu cả ông Đ, bà G cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng. Tại “Giấy mượn tiền” ngày 17-8-2018, mặc dù chỉ thể hiện người đứng tên bên vay là ông Đ nhưng cả bà G và ông Đ cùng ký tên bên dưới phần nội dung giấy nợ, không thể hiện nội dung nào khác. Khi viết và ký tên vào “Giấy mượn tiền” và khi giao nhận tiền đều có mặt bà H, bà G và ông Đ. Do đó, việc bà G cho rằng chỉ ký tên với

tư cách người làm chứng là không phù hợp với thực tế, bà G cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 200.000.000 đồng là chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ, các tình tiết của vụ án. Cần sửa bản án sơ thẩm, buộc bà G có nghĩa vụ liên đới với ông Đ trả cho bà H số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, cho rằng bà G chỉ ký tên giấy mượn tiền với tư cách người làm chứng nên bà chỉ yêu cầu ông Đ trả tiền vay cho bà nhưng bị đơn không chấp nhận. Xét thấy lời khai của bà H mâu thuẫn với lời khai của người đại diện theo ủy quyền cho bà tại cấp sơ thẩm, do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét lời trình bày của bà tại cấp phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bà H thấy rằng: Hợp đồng vay giữa bà H với ông Đ và bà G thể hiện dưới hình thức “Giấy mượn tiền” ghi ngày 17-8-2018. Hợp đồng vay không thể hiện thời hạn trả nợ và lãi suất cho vay. Bà H cho rằng giữa các bên có thỏa thuận miệng thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất 4%/tháng nhưng ông Đ cho rằng khi vay hai bên thỏa thuận vay không có lãi, không thỏa thuận thời hạn trả; bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh hợp đồng vay có thỏa thuận lãi và có thời hạn; do đó, có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi. Theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự, thời điểm xác định ông Đ, bà G vi phạm nghĩa vụ là ngày Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, nên bà G, ông Đ phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (lãi suất là 10%/năm) từ ngày này là phù hợp, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H.

[5] Ngoài ra, cấp sơ thẩm quyết định về việc chịu lãi do chậm thi hành án chưa đúng với hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cần sửa lại cho đúng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Đ được chấp nhận nên ông Đ không phải chịu; bà H phải chịu án phí phúc thẩm dân sự do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, 148, 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Chấp nhận kháng cáo của ông Hà Phước Đ, sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Hà Phước Đ, bà Huỳnh Thị G. Buộc ông Hà Phước Đ, bà Huỳnh Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 210.347.000 đồng (*Hai trăm mười triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) (tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 10.347.000 đồng). Trong đó, nghĩa vụ của ông Đ, bà G mỗi người là 105.173.500 đồng (*một trăm lẻ năm triệu một trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Hà Phước Đ, bà Huỳnh Thị G cùng phải chịu 10.517.000 đồng (Mười triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng). Trong đó, mỗi người phải chịu 5.258.500 đồng.

2.2. Bà Nguyễn Thị H được hoàn trả 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0008558 ngày 20-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

3.1 Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009453 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Bà H đã nộp xong.

3.2 Ông Hà Phước Đ được hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009489 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Gò Dầu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai

